

Bài 30 THƯƠNG ÔNG (6 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng bài thơ *Thương ông* (ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp).
b. Nhận biết được tình cảm yêu thương, gần gũi của ông và cháu (qua bài đọc và tranh minh họa).
c. Đọc mở rộng được một bài thơ, câu chuyện về tình cảm giữa ông bà và cháu.
2. a. Nghe – viết đúng chính tả 2 khổ thơ đầu bài *Thương ông*; biết viết hoa chữ cái đầu dòng và đầu câu.
b. Làm đúng các bài tập chính tả phương ngữ (phân biệt *ch/tr* hoặc *ac/at*). Viết 3 – 5 câu kể về một công việc đã làm cùng người thân.
3. Phát triển vốn từ ngữ chỉ sự vật, chỉ hoạt động; rèn kỹ năng đặt câu nêu hoạt động (nói về công việc của từng người, công việc chung của mọi người trong gia đình).
4. Bồi dưỡng tình cảm yêu thương, kính trọng đối với ông bà và người thân trong gia đình; thêm yêu quý gia đình; hình thành và phát triển năng lực quan sát (quan sát công việc của mọi người trong gia đình) và năng lực tự học (tìm đọc thêm thơ, truyện); có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Đặc điểm VB thơ, thấy được yếu tố tự sự trong bài thơ *Thương ông*; nắm được nội dung bài thơ *Thương ông* (kể về tình yêu thương giữa bạn Việt và ông của mình; bạn đã biết giúp đỡ, động viên ông khi ông đau ốm).

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh minh họa cho nội dung khởi động; minh họa bài đọc, luyện tập về từ và câu.
- Phiếu học tập: để làm bài tập chính tả hoặc luyện tập về từ và câu.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Cánh cửa nhớ bà*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

ĐỌC

1. Khởi động

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm: *Kể những việc em làm khiến người thân vui.* (GV có thể đưa thêm các câu hỏi gợi ý: Người thân của em là ai? Em đã giúp đỡ người thân bằng những việc làm nào? Em đã làm gì để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc người thân? Để động viên, an ủi người thân, em đã làm gì? Người thân nói gì với em khi đó? Nét mặt người thân thế nào trước những việc em làm?...)
- + Từng HS liên hệ bản thân, trình bày ý kiến của mình; các bạn góp ý.
- + Cả nhóm thống nhất câu trả lời. (VD: Đọc truyện cho ông nghe, kể chuyện cho cả nhà nghe, rót nước cho bố mẹ uống, đấm lưng cho bà, quét nhà cho mẹ, trông em,... Người thân khen ngoan, nói lời cảm ơn,... Nét mặt người thân vui vẻ, tươi cười,...)
- Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.

2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
- + GV giới thiệu bài thơ *Thương ông*. (VD: Bài thơ kể về tình cảm của ông cháu bạn Việt. Ông của Việt bị đau chân, đi lại khó khăn. Việt đã quan tâm, giúp ông bước lên được thềm nhà. Ông rất vui sướng, cảm động vì điều đó,...)
- + GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý ngắt đúng nhịp thơ, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thẩm bài thơ trong khi nghe GV đọc.

- + GV hướng dẫn HS ngắt nhịp thơ. (VD: Ông bị đau chân; Nó sưng/ nó tấy; Đi/ phải chống gậy; Khập khiêng, khập khà; Bước lên thềm nhà; Nhắc chân/ quá khó.).
- + GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em, như khập khiêng, khập khà, nhắc chân, quẳng gậy,...
- + GV hướng dẫn HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB ở mục Từ ngữ.
- HS luyện đọc theo nhóm/ cặp, cá nhân:
- + HS đọc nối tiếp từng câu/ đoạn trong nhóm/ cặp.
- + Từng HS đọc thầm toàn bài hoặc đọc cho nhau nghe.
- + GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.
- GV/ HS đọc lại toàn bộ VB.
- + HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài.
- HS và GV đọc toàn VB.

3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi. HS cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi.

Câu 1. Ông của Việt bị làm sao?

- + HS xem lại khổ thơ đầu. Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.
- + HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.
- + GV và HS và thống nhất câu trả lời. (VD: Ông của Việt bị đau chân, bước lên thềm nhà rất khó khăn.)

Câu 2. Khi thấy ông đau, Việt đã làm gì để giúp ông?

- + HS xem lại khổ thơ thứ 2, quan sát tranh minh họa bài học và tìm câu trả lời trong các phương án gợi ý.
- + HS trao đổi với bạn, thống nhất câu trả lời trong nhóm.
- + Đại diện nhóm trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.
- + GV và HS và thống nhất câu trả lời. (VD: Khi thấy ông đau, Việt đã để ông vịn vào vai mình rồi đỡ ông đứng lên.)

Câu 3. Theo ông, vì sao Việt tuy bé mà khoẻ?

- + HS xem lại 3 dòng thơ cuối bài.
- + Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.
- + HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.
- + GV và HS thống nhất phương án trả lời. (Đáp án: Theo ông, Việt tuy bé mà khoẻ vì Việt thương ông.)
- * Học thuộc lòng một khổ thơ yêu thích.
- GV cho HS chọn khổ thơ yêu thích. GV chọn khổ thơ được nhiều HS thích nhất.

- HS học thuộc lòng khổ thơ yêu thích theo hướng dẫn của GV. GV cho HS tự nhớ hoặc giữ lại một số từ trong khổ thơ làm “điểm tựa” cho HS dễ nhớ.
- GV có thể cho HS thi học thuộc lòng (nếu có thời gian).

4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. Từ ngữ nào trong bài thơ thể hiện dáng vẻ của Việt?

- + HS xem lại khổ thơ 1 và 2.
- + HS trao đổi với bạn, thống nhất câu trả lời trong nhóm.
- + Đại diện nhóm trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.
- + GV và HS thống nhất phương án trả lời. (Đáp án: *lon ton, âu yếm, nhanh nhau.*)

Câu 2. Đọc những câu thơ thể hiện lời khen của ông dành cho Việt.

- + HS xem lại đoạn thơ 4.
- + GV có thể gợi ý: Câu thơ nào thể hiện sự reo mừng của ông (tán thưởng cháu mình)? Câu thơ nào cho thấy ông đang nói tới cái giỏi, cái tốt của Việt?
- + Từng HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.
- + HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.
- + GV và HS thống nhất phương án trả lời. (Đáp án: Những câu thơ thể hiện lời khen của ông dành cho Việt: *Hoan hô thắng bé; Bé thế mà khoẻ; Vì nó thương ông.*)

KẾT NỐI TRI THỨC TIẾT 3 VIẾT VỚI CUỘC SỐNG

1. Nghe – viết

- GV và 1 – 2 HS đọc đoạn nghe – viết.
- GV hướng dẫn chung cả lớp:
 - + Lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết. (VD: Đoạn thơ có những chữ nào viết hoa? Đoạn thơ có chữ nào dễ viết sai? Khi viết đoạn thơ, cần viết như thế nào? Chữ dễ viết sai chính tả *khập khiêng, khập khà, nhắc chân, âu yếm,...*)
 - + Yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
 - HS viết chính tả.
 - + HS viết nháp một số chữ dễ viết sai.
 - + GV đọc to, rõ ràng, tốc độ vừa phải (quan sát HS viết để xác định tốc độ), đúng chính âm; mỗi dòng thơ đọc 2 – 3 lần.
 - + Sau khi HS viết xong, GV đọc lại cả bài một lần nữa và yêu cầu HS soát lỗi.

- + HS đổi vở cho nhau để soát lỗi.
- + GV kiểm tra bài viết của HS và nhận xét một số bài.

2. Chọn a hoặc b.

HS làm bài tập theo yêu cầu của GV (bài a hoặc b).

a. Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.

- Một HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.
- HS làm việc nhóm đôi.
- GV có thể phát thẻ từ ngữ (thẻ trắng) để HS ghi từng từ ngữ tìm được vào mỗi thẻ.
- GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm thi làm bài đúng, nhanh, đọc kết quả trước lớp. GV và HS chốt đáp án.

Lần đầu tiên học chữ

Bé tung tăng khắp nhà

– Chữ gì như quả trứng gà?

Trứng choai nhanh nhau đáp là: “O... o!”.

b. Chọn ac hoặc at thay cho ô vuông.

Điển ac: cô bác, ca nhạc, quét rác. Điển at: múa hát, phát quà, rửa bát.

GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, chỉ hoạt động.

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh, trao đổi nhóm để hiểu nội dung tranh và tìm từ ngữ chỉ người, cây cối, đồ vật và công việc của từng người trong tranh. (Có thể đưa câu hỏi gợi ý: Tranh vẽ những ai? Mỗi người đang làm công việc gì? Từ ngữ nào chỉ công việc ấy? Có những đồ vật nào được vẽ trong tranh?...)
- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.
- + GV có thể phát thẻ từ ngữ (thẻ trắng) để HS ghi từng từ ngữ tìm được vào mỗi thẻ. Cần tổ chức các hình thức dạy học sinh động (trò chơi, đố vui,...) để tạo không khí sôi nổi cho lớp học.
- GV và HS thống nhất đáp án. (Từ ngữ chỉ người: ông, bà, bố, mẹ, anh trai, em gái...; từ ngữ chỉ vật: bếp, nhà, sân, vườn, quạt, chổi, chảo,...; từ ngữ chỉ hoạt động: tưới cây, nhặt rau, sửa quạt, nấu ăn, quét sân, chơi đồ chơi,...)

2. Tìm 3 từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn thơ.

- GV cho HS đọc lại đoạn thơ.
- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm đôi, trả lời câu hỏi để tìm từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn thơ. (Câu hỏi gợi ý: Đoạn thơ nói đến những ai? Mỗi người đã làm việc gì? Từ ngữ nào chỉ công việc đó?...)

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.
- GV và HS nhận xét kết quả của các nhóm, ghi nhận những từ ngữ chỉ hoạt động có trong đoạn thơ (*may/ may áo mới, thêu/ thêu bông hoa, khen, sửa, nối dây cột, chạy,...*).

3. Đặt câu nêu hoạt động cho từng tranh.

- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm đôi để hiểu nội dung từng tranh. (Câu hỏi gợi ý thêm: Trước mặt ông và người bạn là cái gì? (tranh 1). Bà đang ngồi chỗ nào? Bà chăm chú nhìn vào đâu? (tranh 2). Mẹ cầm chổi để làm gì? Bố đặt khăn lau lên tường để làm gì? Vì sao bố đeo găng tay? (tranh 3). Bạn nhỏ ngồi ở đâu? Trước mặt bạn có gì? ...)
- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.
- Một số (3 – 4) HS nhắc lại câu hỏi dưới mỗi tranh và trả lời.
- GV và HS thống nhất câu trả lời. (Tranh 1: Ông đang đánh cờ; Tranh 2: Bà đang xem ti vi; Tranh 3: Bố đang lau tường nhà, mẹ đang lau nền nhà; Tranh 4: Bạn nhỏ đang học bài.)

TIẾT 5 – 6

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Quan sát tranh, nêu việc các bạn nhỏ đã làm cùng người thân.

- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm đôi để hiểu nội dung từng tranh. (Câu hỏi gợi ý: Tranh 1: Ông và cháu đang đi đâu? Cháu làm gì để thể hiện tình cảm với ông? Tranh 2: Bố và con đang làm gì? Ở đâu? Tranh 3: Bà và cháu cùng nhau làm gì? Họ có vui không? Tranh 4: Mẹ và con đang đứng ở đâu? Trước mặt có những gì? Hai mẹ con cùng nhau làm gì?)
- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất câu trả lời. (Tranh 1. Bạn nhỏ cùng ông đi dạo.; Tranh 2. Bạn nhỏ cùng bố trồng cây.; Tranh 3. Bạn nhỏ và bà đọc sách.; Tranh 4. Bạn nhỏ cùng mẹ rửa bát.)

2. Viết 3 – 5 câu kể về một công việc em đã làm cùng người thân.

- HS nêu yêu cầu của bài tập.
- HS trao đổi nhóm đôi, trả lời các câu hỏi gợi ý trong SHS.
- Đại diện một số (3 – 4) nhóm trình bày trước lớp.
- Từng HS viết bài vào vở. HS đọc lại, tự sửa đoạn văn đã viết.
- HS đổi bài cho bạn để sửa chữa hoàn chỉnh bài viết.
- Một số HS đọc bài trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm của ông bà và cháu.

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm của ông bà và cháu. Khi đọc, cần chú ý tên của bài thơ, câu chuyện và tên của tác giả. GV có thể chuẩn bị một số bài thơ, câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp.)

– HS làm việc nhóm. Các em có thể đọc thơ, hoặc vừa kể chuyện vừa đọc truyện cho bạn nghe. (HS nói tên của bài thơ, câu chuyện và tên của tác giả.)

2. Chia sẻ với các bạn cảm xúc về một khổ thơ em thích, hoặc một sự việc trong câu chuyện mà em thấy thú vị.

– Một số (2 – 3) HS chia sẻ với các bạn cảm xúc về một khổ thơ mình thích hoặc một sự việc trong câu chuyện mình thấy thú vị. Một số HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách chia sẻ hay, nói được sự việc có điểm nhấn,... Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi. (GV khuyến khích HS viết vào sổ tay câu hay trong bài thơ, chi tiết lí thú trong câu chuyện.)

CÙNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính: Đọc bài thơ *Thương ông*; rèn chính tả phân biệt *ch/tr, ac/at*; mở rộng vốn từ chỉ sự vật, hoạt động; luyện viết câu nêu hoạt động, viết đoạn văn kể việc đã làm ở nhà cùng người thân.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.